

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25

0055  
NG  
HỆ M  
A TO  
. T  
P.HC

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM, ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162, ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn thành lập các chi nhánh sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696, ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

- Văn phòng đại diện thương mại tại Vương quốc Campuchia được thành lập theo Giấy chứng nhận xác nhận có đăng ký trong sổ thương mại số 5692 TM/PC, ngày 17 tháng 12 năm 2010 do Bộ Thương Mại Campuchia cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;

- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;

- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;

- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;

- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;

- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;

- Gia công hàng dệt may;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;

- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;

- Kinh doanh vận tải đa phương thức;

- Dịch vụ chuyển phát.

### 2. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Ủy viên
Ông Trương Minh Long	Ủy viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN NAM TIẾN**

Số: 11.135/BCKT- DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2011

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TANG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**NGÔ THANH BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>99.467.184.455</b>	<b>84.893.975.530</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>42.900.654.506</b>	<b>33.763.127.790</b>
1. Tiền	111		31.900.654.506	17.763.127.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	16.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			<b>3.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			3.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>52.117.538.725</b>	<b>45.134.841.126</b>
1. Phải thu khách hàng	131		31.173.887.546	24.782.244.963
2. Trả trước cho người bán	132		12.983.429.729	12.435.313.879
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		9.091.722.847	8.211.782.383
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.131.501.397)	(294.500.099)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.448.991.224</b>	<b>2.996.006.614</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		669.236.501	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	3.779.754.723	2.996.006.614

(Phần tiếp theo ở trang 5)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.766.857.201</b>	<b>53.273.124.822</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.866.156.318</b>	<b>17.475.054.217</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	18.866.156.318	17.475.054.217
+ Nguyên giá	222		31.272.379.763	27.536.070.605
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.406.223.445)	(10.061.016.388)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.5)	<b>34.589.433.802</b>	<b>34.820.433.802</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		33.008.283.802	33.008.283.802
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.581.150.000	1.812.150.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.311.267.081</b>	<b>977.636.803</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		793.351.081	665.220.803
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		517.916.000	312.416.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>154.234.041.656</b>	<b>138.167.100.352</b>

(Phần tiếp theo ở trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.692.943.089</b>	<b>20.593.201.109</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.675.837.393</b>	<b>20.515.785.783</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	8.196.957.047	8.325.855.942
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	10.638.966.483	2.155.646.175
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	1.504.297.174	2.722.573.869
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	4.042.366.721	3.300.966.821
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		977.670.645	2.403.604.653
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.9)	2.315.579.323	1.607.138.323
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.105.696</b>	<b>77.415.326</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		17.105.696	77.415.326
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>126.541.098.567</b>	<b>117.573.899.243</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.10.1)	<b>126.541.098.567</b>	<b>117.573.899.243</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	81.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.000.000.000	1.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			791.153.530
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.591.098.567	28.932.745.713
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>154.234.041.656</b>	<b>138.167.100.352</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		653.218,54	263.500,30
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**TRẦN THỊ BÌNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN NAM TIẾN**





**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		354.082.974.839	226.005.647.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	354.082.974.839	226.005.647.290
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	333.841.936.487	207.301.117.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.241.038.352	18.704.530.132
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	29.463.651.457	22.645.590.173
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	13.946.855.021	7.411.295.471
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	8.671.058.702	7.940.511.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.086.776.086	25.998.313.650
11. Thu nhập khác	31		14.618.182	2.318.182
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		14.618.182	2.318.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.101.394.268	26.000.631.832
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	3.450.968.414	2.226.939.386
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.650.425.854	23.773.692.446
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.10.3)	2.628	2.643

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.101.394.268 ✓	26.000.631.832 ✓
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.622.920.896 ↑	2.274.722.731 ✓
Các khoản dự phòng	03		837.001.298 ↓	69.500.099 ✓
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(916.265.324) ↓	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.807.818.113) ↓	(15.139.119.764) ✓
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>14.837.233.025</b>	<b>13.205.734.898</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.101.109.286)	(11.352.423.808)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		9.658.272.473	763.120.933
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(797.366.779)	(17.494.273)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.879.812.728)	(1.286.864.659)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.000.000	149.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.118.109.000)	(3.344.246.314)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>9.604.107.705</b>	<b>(1.883.173.223)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.014.022.997)	(5.248.078.082)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.272.727	2.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		458.250.000	1.997.520.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.781.295.386	14.402.801.582
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>13.228.795.116</b>	<b>13.154.561.682</b>

(Phần tiếp theo ở trang 10)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		41.300.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.097.522.000)	(8.782.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.056.222.000)</b>	<b>(8.782.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>8.776.680.821</b>	<b>2.489.388.459</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>33.763.127.790</b>	<b>31.025.785.548</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		360.845.895	247.953.783
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>42.900.654.506</b>	<b>33.763.127.790</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2011

TÔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM, ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162, ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn thành lập các chi nhánh sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049, ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696, ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

- Văn phòng đại diện thương mại tại Vương quốc Campuchia được thành lập theo Giấy chứng nhận xác nhận có đăng ký trong sổ thương mại số 5692 TM/PC, ngày 17 tháng 12 năm 2010 do Bộ Thương Mại Campuchia cấp.

### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;

- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;

- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;

- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;

- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;

- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;

- Gia công hàng dệt may;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;

- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;

- Kinh doanh vận tải đa phương thức;

- Dịch vụ chuyển phát.

## 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ 2% trên Quỹ tiền lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm Xã hội của doanh nghiệp.

#### 4.7. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

#### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

#### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>20.593.201.109</b>	<b>18.986.062.786</b>
I. Nợ ngắn hạn	20.515.785.783	18.908.647.460
Quý khen thưởng phúc lợi	1.607.138.323	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>117.573.899.243</b>	<b>119.181.037.566</b>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	1.607.138.323
Quý khen thưởng phúc lợi	-	1.607.138.323

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trích)

	Năm trước (Điều chỉnh hồi tố)	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	2.643	2.903

(Phần tiếp theo ở trang 15)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.113.968.797	1.507.389.955
Tiền gửi ngân hàng	29.786.685.709	16.255.737.835
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	16.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.900.654.506</b>	<b>33.763.127.790</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	31.173.887.546	24.782.244.963
Trả trước cho người bán	12.983.429.729	12.435.313.879
Các khoản phải thu khác	9.091.722.847	8.211.782.383
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>53.249.040.122</b>	<b>45.429.341.225</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.131.501.397)	(294.500.099)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>52.117.538.725</b>	<b>45.134.841.126</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu bao gồm 2 khoản ứng trước sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 20% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh – Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 5.374.987.428 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m <sup>2</sup> đất ở Nhơn Trạch – Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên doanh dịch vụ đại lý vận chuyển	1.530.000.000	-
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	-	734.000.000
Khác	165.366.767	81.426.303
<b>Cộng</b>	<b>9.091.722.847</b>	<b>8.211.782.383</b>

**5.3. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.779.754.723	996.006.614
Bảo lãnh giấy phép vận tải đa phương thức	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.779.754.723</b>	<b>2.996.006.614</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6.042.867.240	1.034.129.061	19.212.882.240	1.246.192.064	27.536.070.605
Mua trong năm	2.039.425.566	592.223.645	1.125.986.363	256.387.423	4.014.022.997
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(277.713.839)	(277.713.839)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.082.292.806</b>	<b>1.626.352.706</b>	<b>20.338.868.603</b>	<b>1.224.865.648</b>	<b>31.272.379.763</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.179.380.084	576.870.442	4.482.574.543	822.191.319	10.061.016.388
Khấu hao trong năm	352.510.198	158.249.390	1.901.728.370	210.432.938	2.622.920.896
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(277.713.839)	(277.713.839)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.531.890.282</b>	<b>735.119.832</b>	<b>6.384.302.913</b>	<b>754.910.418</b>	<b>12.406.223.445</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.863.487.156	457.258.619	14.730.307.697	424.000.745	17.475.054.217
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.550.402.524</b>	<b>891.232.874</b>	<b>13.954.565.690</b>	<b>469.955.230</b>	<b>18.866.156.318</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.493.458.230 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	17.592.000.000	17.592.000.000
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	15.416.283.802	15.416.283.802
Đầu tư dài hạn khác	1.581.150.000	1.812.150.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>34.589.433.802</b>	<b>34.820.433.802</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>34.589.433.802</b>	<b>34.820.433.802</b>

Đầu tư vào công ty liên kết chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội (Vinatrans Hà Nội)	1.320.000	13.200.000.000	1.320.000	13.200.000.000
Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	439.200	4.392.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>17.592.000.000</b>		<b>17.592.000.000</b>

Đầu tư vào công ty liên doanh chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9,15%	4.908.430.302
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	51%	3.680.051.500
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	49%	3.148.740.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	45%	2.130.300.000
Công ty TNHH Hapag – Lloyd (Việt Nam)	49%	1.548.762.000	49%	1.548.762.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>15.416.283.802</b>		<b>15.416.283.802</b>

(Phần tiếp theo ở trang 18)

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư dài hạn khác chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (Vinafreight) - 85.500 cổ phần	1,50%	855.000.000	1,50%	855.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	726.150.000	9,81%	726.150.000
Công ty Cổ Phần Giám Định Hàng Hóa Xuất Nhập Khẩu (Vinacontrol)		-	16.500	231.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.581.150.000</b>		<b>1.812.150.000</b>

### 5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	8.196.957.047	8.325.855.942
Người mua trả tiền trước	10.638.966.483	2.155.646.175
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.835.923.530</b>	<b>10.481.502.117</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	396.761.019	343.838.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp	798.095.072	2.226.939.386
Thuế thu nhập cá nhân	97.137.519	47.506.075
Các loại thuế khác	212.303.564	104.289.818
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.504.297.174</b>	<b>2.722.573.869</b>

### 5.8. Phải trả người lao động

Đây là các khoản phải trả lương tháng 13 cho nhân viên.

### 5.9. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.607.138.323	2.490.334.637
Trích lập trong năm	1.544.900.000	2.136.400.000
Tăng khác	-	149.000.000
Sử dụng trong năm	836.459.000	3.168.596.314
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.315.579.323</b>	<b>1.607.138.323</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.10. Vốn chủ sở hữu**

**5.10.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	81.900.000.000	4.950.000.000	-	-	19.622.103.267	106.472.103.267
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	23.773.692.446	23.773.692.446
Tăng khác	-	-	1.000.000.000	791.153.530	-	1.791.153.530
Giảm khác	-	-	-	-	(14.463.050.000)	(14.463.050.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>81.900.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>791.153.530</b>	<b>28.932.745.713</b>	<b>117.573.899.243</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	23.650.425.854	23.650.425.854
Tăng vốn điều lệ từ cổ tức	8.058.700.000	-	-	-	(8.058.700.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.082.400.000)	(12.082.400.000)
Tăng khác	41.300.000	-	1.000.000.000	-	-	1.041.300.000
Giảm khác	-	-	-	(791.153.530)	(2.850.973.000)	(3.642.126.530)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.591.098.567</b>	<b>126.541.098.567</b>

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.10.2. Cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	8.190.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	8.190.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	8.190.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

**5.10.3. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh hồi tố)
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	23.650.425.854	23.773.692.446
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.997.986	8.995.870
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>2.628</b>	<b>2.643</b>

**5.10.4. Phân phối lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	28.932.745.713	19.622.103.267
Lợi nhuận sau thuế trong năm	23.650.425.854	23.773.692.446
Chia cổ tức	(20.141.100.000)	(11.151.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.544.900.000)	(2.136.400.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(38.023.000)	-
Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(261.800.000)	(175.650.000)
Khác	(6.250.000)	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>29.591.098.567</b>	<b>28.932.745.713</b>

(Phần tiếp theo ở trang 21)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phòng hàng không	143.962.989.953	86.455.421.953
Doanh thu phòng nhập đường biển	36.204.163.367	25.509.700.264
Doanh thu phòng xuất đường biển	39.351.145.639	24.719.946.101
Doanh thu phòng Logistics	31.538.083.281	24.529.092.440
Doanh thu phòng bảo quản	9.814.172.335	8.370.379.669
Doanh thu phòng Hapag – Lloyd	2.550.180.429	3.547.382.599
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	71.252.897.783	52.873.724.264
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	19.409.342.052	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>354.082.974.839</u></b>	<b><u>226.005.647.290</u></b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phòng hàng không	136.783.973.525	82.077.519.960
Giá vốn phòng nhập đường biển	32.942.698.262	22.328.449.239
Giá vốn phòng xuất đường biển	35.744.070.212	23.019.302.606
Giá vốn phòng Logistics	31.642.688.344	22.260.470.577
Giá vốn phòng bảo quản	5.312.329.555	4.817.006.648
Giá vốn phòng Hapag – Lloyd	2.420.676.242	2.455.967.127
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	69.444.255.884	50.342.401.001
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	19.551.244.463	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>333.841.936.487</u></b>	<b><u>207.301.117.158</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.659.106.071	7.505.221.318
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.680.403.419	12.529.909.724
Lãi tiền gửi	1.896.891.967	2.005.431.858
Lãi từ bán cổ phiếu	227.250.000	601.460.000
Khác	-	3.567.273
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>29.463.651.457</u></b>	<b><u>22.645.590.173</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.946.855.021	7.631.354.551
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu	-	(225.000.000)
Khác	-	4.940.920
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>13.946.855.021</u></b>	<b><u>7.411.295.471</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.509.380.568	1.919.552.360
Chi phí vật liệu	416.950.839	484.273.108
Chi phí đồ dùng văn phòng	267.432.846	339.031.223
Chi phí khấu hao	331.472.050	365.896.198
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	7.026.286
Chi phí dự phòng	837.001.298	294.500.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.748.497.516	4.070.524.796
Chi phí quản lý khác	556.323.585	459.707.114
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.671.058.702</b>	<b>7.940.511.184</b>

**6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	27.101.394.268	26.000.631.832
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	3.266.430.080	1.759.312.000
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(13.596.668.743)	(12.529.909.724)
Trừ thu nhập khác (từ chuyển nhượng chứng khoán, lãi tiền gửi, thanh lý tài sản cố định)	(1.934.745.875)	(2.706.703.160)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	14.836.409.730	12.523.330.948
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	2.967.281.946	2.504.666.190
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác (từ chuyển nhượng chứng khoán, lãi tiền gửi, thanh lý tài sản cố định)	483.686.468	676.675.790
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài Chính	-	(954.402.594)
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp</b>	<b>3.450.968.414</b>	<b>2.226.939.386</b>

(Phần tiếp theo ở trang 23)

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	ĐVT: triệu đồng									
	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu</b>										
Từ khách hàng bên ngoài	263.421	173.132	71.253	52.874	19.409	-	-	-	354.083	226.006
Giữa các bộ phận						-	-	-		
<b>Tổng cộng</b>	<b>263.421</b>	<b>173.132</b>	<b>71.253</b>	<b>52.874</b>	<b>19.409</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>354.083</b>	<b>226.006</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	18.574	16.409	1.809	2.296	(142)	-	-	-	20.241	18.705
Chi phí không phân bổ	8.671	7.940				-	-	-	8.671	7.940
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính	9.903	8.469	1.809	2.296	(142)	-	-	-	11.570	10.765
Thu nhập tài chính	27.476	20.983	1.979	1.662	9	-	-	-	29.464	22.645
Chi phí tài chính	12.283	5.722	1.654	1.689	10	-	-	-	13.947	7.411
Lợi nhuận khác	15	2	-	-	-	-	-	-	15	2
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.451	2.227	-	-	-	-	-	-	3.451	2.227
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>21.660</b>	<b>21.505</b>	<b>2.134</b>	<b>2.269</b>	<b>(143)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.651</b>	<b>23.774</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**Các thông tin khác**

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	140.464	127.877	15.480	16.709	5.210	-	(6.920)	(6.419)	154.234	138.167
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>140.464</b>	<b>127.877</b>	<b>15.480</b>	<b>16.709</b>	<b>5.210</b>	<b>-</b>	<b>(6.920)</b>	<b>(6.419)</b>	<b>154.234</b>	<b>138.167</b>
Nợ phải trả của bộ phận	20.060	15.042	9.200	11.970	5.354	-	(6.920)	(6.419)	27.694	20.593
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>20.060</b>	<b>15.042</b>	<b>9.200</b>	<b>11.970</b>	<b>5.354</b>	<b>-</b>	<b>(6.920)</b>	<b>(6.419)</b>	<b>27.694</b>	<b>20.593</b>

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	3.890	3.176	57	2.072	66	-	-	-	4.013	5.248
Chi phí khấu hao	1.969	1.772	137	503	517	-	-	-	2.623	2.275

(Phần tiếp theo ở trang 25)

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	290.400.000	168.500.000
Thù lao Ban Kiểm soát	11.440.000	7.150.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.517.122.464	1.042.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.818.962.464</b>	<b>1.218.150.000</b>

## 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 10. Các thông tin thuyết minh khác

Trong năm 2010, Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ từ Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (được áp dụng cho năm 2009) sang áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được ghi nhận như là thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ thay vì được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái) như năm trước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

## 11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 03 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN